

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 7/2021/DS - ST

Ngày: 31- 3- 2021.

V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Sửu

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Lê Thị Hương

- Bà Bá Thị Thu Vân

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quen - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Kim Thuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 03 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:14/2019/TLST-TCDS ngày 23 tháng 12 năm 2019, về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐST-DS, ngày 19-03-2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trịnh Kim K, sinh năm: 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số a, đường T, khu phố x, phường P, T.P P, tỉnh Ninh Thuận

2. Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm: 1971

Địa chỉ: số nhà b, Khu phố y, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

3. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm: 1963,

Địa chỉ: số c đường L, khu phố z, phường P, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận theo giấy ủy quyền ngày 13-01-2019 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền phía nguyên đơn trình bày: Ông Trịnh Kim K có quan hệ làm ăn với ông Trần Văn T.

Ngày 22-9-2016 ông T có vay của ông K số tiền 100.000.000 đồng; ngày 22-10-2016 ông T có vay của ông K số tiền 70.000.000 đồng.

Khi vay 2 bên có thỏa thuận miệng lãi suất là 3% trên tháng, cứ 100.000.000 đồng hàng tháng ông T phải trả lãi cho ông K là 3.000.000 đồng; trong giấy vay nợ không có ghi lãi suất.

Khi vay 2 bên có viết giấy vay nợ; giấy vay nợ do ông K đánh sẵn mẫu ở phần ngày, tháng, năm, họ tên, năm sinh, số chứng minh nhân dân, cấp ngày, nơi cấp, số tiền, người

viết giấy vay nợ ký tên chưa trống; khi ông T thỏa thuận đồng ý vay tiền thì tự ghi bằng viết mực vào các chỗ trống trong giấy vay và ký tên ghi họ tên của ông T vào và ông K ký tên, ghi họ tên bên phần người cho vay; giấy vay nợ lập thành 2 bản bên ông T giữ 01 bản, bên ông K giữ 01 bản.

Từ khi vay cho đến nay ông T không trả lãi và vốn cho ông K; ông K đã gặp ông T đòi nhiều lần, ông T hứa trả nhưng không trả; thời điểm cho vay chỉ có ông K và ông T ngoài ra không có ai làm chứng.

Nay ông K yêu cầu ông T phải trả tiền nợ gốc 170.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo lãi suất ngân hàng Nhà nước Việt Nam với lãi suất 1%/ tháng, tính từ thời điểm vay trong giấy nợ cho đến thời điểm xét xử.

Theo lời khai có trong hồ sơ ông T khai: ông có vay của ông K ngày 22-9-2016 số tiền 100.000.000 đồng; ngày 22-10-2016 số tiền 70.000.000 để trả tiền đáo hạn cho Ngân hàng, khi ông vay tiền lại ông đã trả hết 170.000.000 đồng cho ông K, nay ông không thừa nhận số tiền nợ 170.000.000 đồng do ông K khai.

Còn theo biên bản hòa giải: ông T khai rằng trước đây ông có làm ăn với ông K và ông có vay tiền của ông K để đáo hạn ngân hàng và các khoản vay đó ông đã trả hết nợ cho ông K còn số tiền vay của các ngày 22-9-2016 số tiền 100.000.000 đồng; ngày 22-10-2016 số tiền 70.000.000 đồng ông không có vay của ông K và ông T cho rằng chữ ký, chữ viết tên Trần Văn T ở phần người viết giấy vay nợ trong giấy vay nợ của ngày 22-9-2016 và ngày 22-10-2016 không phải là chữ ký, chữ viết của ông (T). Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử phiên tòa dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N thực hiện đúng thủ tục tố tụng từ khi triệu tập, thụ lý, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, hòa giải và các thủ tục khác cũng được thực hiện đầy đủ đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đối với nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật dân sự, Bộ luật tố tụng dân sự tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Yêu cầu Hội đồng xét xử làm rõ số tiền cho vay là tiền riêng của ông K hay tiền chung của vợ chồng ông K; đối với người bị kiện là cá nhân ông T hay vợ chồng ông T để xác định người có trách nhiệm trả nợ.

Buộc ông Trần Văn T phải trả cho ông Trịnh Kim K số tiền nợ gốc 170.000.000 đồng và tính lãi theo lãi suất do ngân hàng nhà nước, thời gian tính lãi từ ngày vay cho đến nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Viện kiểm sát yêu cầu Hội đồng xét xử làm rõ số tiền cho vay là tiền riêng của ông K hay tiền chung của vợ chồng ông K; đối với người bị kiện là cá nhân ông T hay vợ chồng ông T để xác định người có trách nhiệm trả nợ.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn khẳng định tiền cho ông T vay là tiền riêng của cá nhân ông K, người bị khởi kiện là cá nhân ông T, ông T không thừa nhận số tiền 170.000.000 đồng do cá nhân ông ký nhận để vay, Tòa án giám định chữ ký, chữ viết có căn cứ xác định là cá nhân ông T vay nên buộc riêng cá nhân ông T trả là phù hợp pháp luật.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Hội đồng xét xử xét thấy tranh chấp trong vụ kiện này là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

[3] Nội dung pháp luật áp dụng: Bộ luật dân sự 2015; Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[4] Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền phía nguyên đơn khẳng định: Ông Trần Văn T có vay của Trịnh Kim K số tiền 170.000.000 đồng, lãi suất 3% tháng và yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc 170.000.000 đồng; về lãi suất yêu cầu tính lãi theo lãi suất 1%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày vay cho đến thời điểm xét xử.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu ông Trịnh Kim K phải trả số tiền nợ gốc 170.000.000 đồng, còn lãi suất tính theo lãi suất ngân hàng Nhà Nước Việt Nam với lãi suất 0.833%/ tháng, thời gian tính lãi từ ngày vay cho đến thời điểm xét xử là có căn cứ.

Xét trình bày của bị đơn (T): bị đơn không thừa nhận số tiền nợ 170.000.000 đồng do ông K cung cấp cho Tòa án và ông T cũng không thừa nhận chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền do ông K cung cấp là chữ ký, chữ viết của ông.

[5] Xét tài liệu giám định của cơ quan có thẩm quyền trả lời: Chữ viết "Trần Văn T" trên giấy vay nợ ngày 22-09-2016, chữ viết trên giấy vay nợ ghi ngày 12-10-2016 (tài liệu giám định) và chữ viết "Trần Văn T" trên biên bản giải quyết vụ việc ngày 29-08-2019 của Công an thị trấn P lập và chữ viết "Trần Văn T" trên biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 26-11-2020 của Tòa án nhân dân huyện N lập do ông Trần Văn T trực tiếp ghi họ tên (mẫu tài liệu so sánh giám định) là do cùng một người ghi ra.

[6] Xét trình bày của phía nguyên đơn, bị đơn, tài liệu, chứng cứ chứng minh và tài liệu giám định có căn cứ xác định ông Trần Văn T có vay của ông Trịnh Kim K số tiền gốc 170.000.000 đồng, còn về lãi nguyên đơn yêu cầu tính theo lãi suất ngân hàng Nhà nước Việt Nam với lãi suất 1%/ tháng, thời gian tính lãi từ ngày vay cho đến thời điểm trả nợ là cao hơn lãi suất ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định; vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định được hướng dẫn tại khoản 01, Điều 4, Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao là có căn cứ phù hợp pháp luật.

[7] Xét về lãi suất: Theo các giấy vay nợ không có ghi lãi suất nên Hội đồng xét xử tính lãi theo hợp đồng vay không có lãi suất; để xác định, ngày, tháng, năm vay và ngày, tháng, năm trả lãi tính cho đến ngày xét xử là ngày 31-3-2021; Hội đồng xét xử có cách tính như sau: Căn cứ thời gian vay Hội đồng xét xử tính theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng nhà nước đối với cho vay trung hạn 0.833%/ 1 tháng; lãi suất 0,027%/ ngày là phù hợp.

Về số tiền 100.000.000 đồng vay từ ngày 22-09-2016 tính đến ngày 22-10-2016 là 01 tháng, lãi suất trung hạn 0.833%/1 tháng.

Cách tính: $100.000.000 \text{ đồng} \times 0.833\% \times 01 \text{ tháng} = 833.000 \text{ đồng}$.

Về số tiền 170.000.000 đồng vay từ ngày 22-10-2016 tính đến ngày xét xử 31-3-2021 là 53 tháng 7 ngày, lãi suất 0.833%/ 1 tháng, 0,027%/ ngày.

Cách tính: $\{(170.000.000 \text{ đồng} \times 53 \text{ tháng} \times 0,833\%) + (170.000.000 \text{ đồng} \times 7 \text{ ngày} \times 0,027\%) = 75.374.600 \text{ đồng}$.

Tổng cộng lãi: $833.000 \text{ đồng} + 75.374.600 \text{ đồng} = 76.207.600 \text{ đồng}$.

[8] Từ phân tích và các căn cứ trên Hội đồng xét xử sơ thẩm: Buộc ông Trần Văn T phải trả cho ông Trịnh Kim K số tiền nợ gốc 170.000.000 đồng và 76.207.600 đồng tiền lãi; tổng cộng cả gốc lẫn lãi là: 246.207.600 đồng.

[9] Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết ông K đã nộp 4.000.000 đồng đã chi phí hết; Hội đồng giám định trả lời: Chữ ký, chữ viết “Trần Văn T” trên giấy vay nợ là đúng chữ ký, chữ viết của ông T.

Vì vậy lỗi xảy ra tranh chấp của hợp đồng này hoàn toàn thuộc về ông T nên buộc ông T phải chịu 4.000.000 đồng chi phí giám định để hoàn trả lại cho ông K.

[10] Về án phí: Buộc ông Trần Văn T phải chịu 12.310.380 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Trịnh Kim K 4.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 0021098, ngày 23/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

[11] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của ông Trịnh Kim K về yêu cầu ông Trần Văn T trả nợ gốc 170.000.000 đồng cho ông (K) và tính lãi suất 0.833% /1 tháng, 0,027%/ ngày.

Buộc ông Trần Văn T phải trả cho ông Trịnh Kim K số tiền nợ gốc 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng chẵn) và tiền lãi là và 76.207.600 đồng (Bảy mươi sáu triệu hai trăm lẻ bảy ngàn sáu trăm đồng chẵn).

Tổng cộng cả gốc lẫn lãi là: 246.207.600 đồng (Hai trăm bốn mươi sáu triệu hai trăm lẻ bảy ngàn sáu trăm đồng chẵn).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về chi phí giám định: Buộc ông Trần Văn T phải chịu 4.000.000 đồng để hoàn trả cho ông Trịnh Kim K.

Về án phí: Buộc ông Trần Văn T phải chịu 12.310.380 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Trịnh Kim K 4.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 0021098, ngày 23/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

"...trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, có mặt người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, có mặt bị đơn báo cho những người có mặt biết quyền kháng cáo

trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được tổng đạt bản án theo thủ tục tố tụng.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N (để thi hành);
- Các đương sự (để biết);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

Đoàn Sứ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hường; Bà Bá Thị Thu Vân

Đoàn Sứ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N
(để thi hành);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

Đoàn Sứ

